

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HÓA
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/HNGĐ-ST

Ngày 30-8-2017

V/v ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HOÁ, TỈNH QUẢNG TRỊ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Huy

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Lan
2. Bà Đoàn Thị Kim Dung

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Lưu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 30/8/2017, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2017/TLST-HNGĐ ngày 12/6/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

Bị đơn: Anh Ngô Phan T, sinh năm 1974; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký tạm trú: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện nay: 1/12 đường P, khối A, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Th trình bày:

Chị Th và anh T kết hôn với nhau tự nguyện năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau, anh T uống bia, rượu về gây gỗ vợ con, hiện vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng bảy tháng nay. Tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng nên chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Ngô Phan Nguyễn V, sinh ngày 12/11/2009 và cháu Ngô Phan Bảo A, sinh ngày 24/6/2011. Nếu ly hôn chị Th có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/6/2017 và tại các phiên hòa giải, bị đơn anh Ngô Phan T trình bày: Anh T và chị Th kết hôn với nhau là tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân khoảng bảy tháng nay và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Th. Tại phiên tòa, nếu chị Th kiên quyết ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có hai con chung là cháu Ngô Phan Nguyễn V, sinh ngày 12/11/2009 và cháu Ngô Phan Bảo A, sinh ngày 24/6/2011. Nếu ly hôn, anh T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị Bích Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngô Phan T. Đây là tranh chấp về Ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Ngô Phan T đăng ký tạm trú tại thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích Th và anh Ngô Phan T đăng ký kết hôn với nhau đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 12/5/2009. Việc kết hôn là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau đến nay khoảng bảy tháng. Tại phiên tòa chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T, anh T cũng đồng ý ly hôn nên cần áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình để công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Th và anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị Th, anh T có hai con chung là: Ngô Phan Nguyễn V, sinh ngày 12/11/2009 và cháu Ngô Phan Bảo A, sinh ngày 24/6/2011.

Chị Th có nguyện vọng được nuôi cả hai con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con số tiền 2.000.000đ/tháng/2 con. Anh T cũng có nguyện vọng được nuôi hai con và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã yêu cầu chị Th và anh T cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh điều kiện kinh tế cũng như thu nhập của mình để Tòa án xem xét điều kiện, khả năng nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy chị Th đang làm việc cho bà Nguyễn Thị Đ ở thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị với mức lương và phụ cấp là 5.200.000đ/tháng (Có hợp đồng lao động và xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn K). Còn anh T không chứng minh được thu nhập của mình để đảm bảo việc nuôi con. Đối với cháu Ngô Phan Nguyễn V, sinh ngày 12/11/2009 đã trên bảy tuổi, cháu Vũ có nguyện vọng được ở với anh T sau khi chị Th và anh T ly hôn. Xét về điều kiện, khả năng nuôi con của chị Th và anh T sau khi ly hôn để đảm bảo cho các cháu được phát triển trong điều kiện tốt, cần giao cháu Ngô Phan Bảo A cho chị Th còn giao cháu Ngô Phan Nguyễn V cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Th và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5]Về tài sản chung: Chị Th và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Th và anh T mỗi người phải chịu 150.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Th đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm, chị Th được trả lại 150.000đồng tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, Điều 235, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Th đối với bị đơn anh Ngô Phan T.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích Th và anh Ngô Phan T.

Về con chung: Giao cháu Ngô Phan Bảo A, sinh ngày 24/6/2011 cho chị Nguyễn Thị Bích Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Ngô Phan Nguyễn V, sinh ngày 12/11/2009 cho anh Ngô Phan T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Th và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không tục tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bích Th và anh Ngô Phan T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích Th phải chịu 150.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2014/0006908 ngày 12/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hướng Hoá, Quảng Trị. Chị Th được hoàn trả số tiền chênh lệch còn lại là 150.000đồng;

Anh Ngô Phan T phải chịu 150.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 30/8/2017.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hướng Hóa;
- CCTHADS huyện Hướng Hóa;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Huy

